TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **153**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Tấn Tài.

Bà Nguyễn Bé Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Nin – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị X, sinh năm 1972 (có mặt).
Nơi cư trú: Ấp 14, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Lâm Ngọc R, sinh năm 1967 (có mặt).
Nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Ông Nguyễn Văn T - Chủ vật liệu xây dựng V (xin vắng mặt).
Nơi cư trú: Ấp 4, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.
2. Anh Phan Trung H, sinh năm 1998 (có mặt).
3. Chị Phan Thị L, sinh năm 1995 (có mặt).
Cùng cư trú: Ấp 14, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.
4. Anh Lâm Thanh N, sinh năm 1965 (xin vắng mặt).
Nơi cư trú: Số 00, khóm X, phường Y, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17-5-2018 và biên bản hòa giải ngày 09-8-2018 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Võ Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị X và anh Lâm Ngọc R tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M vào ngày 13-7-2016.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi nhau, anh R thường hay chửi mắng bằng những lời thô tục và thường hay kiếm chuyện đánh nhau với các con riêng của chị X; thường xuyên ghen vô cớ. Nay chị X yêu cầu được ly hôn với anh R.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị X xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11-7-2018 và tại biên bản hòa giải ngày 09-8-2018 cũng như tại phiên tòa, bị đơn là anh Lâm Ngọc R trình bày:

Anh R xác định thời điểm chung sống với chị X vào đầu năm 2014, đến năm 2016 đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Anh R nghi ngờ chị X có mối quan hệ với người đàn ông khác bên ngoài. Tại phiên tòa, anh R đồng ý ly hôn với chị X.

Về con chung: Anh R và chị X không có con chung.

Về tài sản riêng: Anh R cho rằng khi mới quen chị X, anh có cho chị X mượn số tiền 16.000.000 đồng, không có làm biên nhận và mượn xe mô tô hiệu Wave hãng Trung Quốc giao cho con chị X là Phan Trung H sử dụng gây tai nạn bị Công an huyện M tạm giữ. Giấy đăng ký xe chị X cầm không có tiền chuộc nên tặng cho anh Lâm Thanh N và đưa biên nhận cầm giấy đăng ký xe mô tô cho anh N đi chuộc và nộp phạt 910.000 đồng để nhận xe tại Công an huyện M, tỉnh Cà Mau. Anh R yêu cầu chị X trả lại số tiền 16.000.000 đồng và giao lại chiếc xe mô tô hãng Trung Quốc, hiệu Wave nêu trên.

Về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân:

- 01 cơ sở sản xuất nước lọc tại ấp 14, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau gồm: 01 giàn máy nước lọc, 03 bồn chứa nước, 01 hồ chứa nước, giá trị còn lại 100.000.000 đồng.

- 01 võ Composite dài 7,9m mua năm 2015, giá trị 4.000.000 đồng và 01 máy xe 68T mua năm 2017, giá trị còn lại 10.000.000 đồng.

- 01 căn nhà tiền chế ngang 4,5m, dài 10m, máy lợp tol, nền xi măng tọa lạc tại ấp 14, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau. Tổng giá trị 20.000.000 đồng.

Toàn bộ tài sản nêu trên chị X đang quản lý. Nay anh R yêu cầu phân chia cho anh hưởng ½ giá trị.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Phan Trung H trình bày: Anh H xác định chiếc xe mô tô anh R đã bán cho anh với giá 3.500.000 đồng vào năm 2015, tên đăng ký xe của người khác (anh không nhớ tên). Khi anh H sử dụng bị tai nạn giao thông nên Công an huyện M giữ, xe bị hư hỏng nặng không còn sử dụng được nên anh không nộp tiền phạt để nhận lại xe. Nay chiếc xe đã bán cho anh N, anh không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án.

Chị Phan Thị L trình bày: Vào năm 2017, chị L có xây dựng căn nhà tiền chế ngang 4,5m, dài 10m, máy lợp tol, nền xi măng, tổng chi phí xây nhà 25.300.000 đồng. Nguồn tiền xây căn nhà là của chị L và chị X sử dụng làm cơ sở trang điểm nên không đồng ý theo yêu cầu của anh R.

Tại bản tự khai ngày 26-9-2018, anh Lâm Thanh N trình bày: Khoảng năm 2017, chị X có bán cho anh 01 chiếc xe mô tô giá 2.000.000 đồng. Sau khi nhận xe, anh sửa chữa số tiền 4.000.000 đồng. Anh N cho rằng không liên quan trong vụ án nên không yêu cầu gì và xin từ chối không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ông Phan Văn T trình bày: Vào năm 2017, chị X có mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng của ông và còn nợ lại 15.600.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Nay ông T không yêu cầu trong vụ án này, trường hợp chị X không thanh toán thì ông khởi kiện thành vụ kiện khác. Đồng thời, ông T từ chối tham gia tố tụng và yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật về trình tự, thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự. Về nội dung: Áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị X và anh R. Không chấp nhận yêu cầu của của anh R về việc yêu cầu chị X trả 16.000.000 đồng và giao lại chiếc xe mô tô, hiệu Wave, hãng Trung Quốc. Đối với cơ sở sản xuất nước lọc, căn nhà tiền chế, võ Composite dài 7,9m và 01 máy xe 68T do anh R không nộp tiền chi phí thẩm định, định giá nên tách ra thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn T và anh Lâm Thanh N có văn bản từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T và anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị X và anh Lâm Ngọc R tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau vào ngày 13-7-2016 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân

và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh R được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị X, thấy rằng: Tại phiên tòa, chị X và anh R thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy, sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được công nhận.

[4] Đối với yêu cầu của anh R về việc buộc chị X trả lại 16.000.000 đồng mà anh đã cho mượn trước khi xác lập quan hệ hôn nhân là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, anh R không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc cho chị X mượn khoản tiền nêu trên. Chị X không thừa nhận có mượn số tiền này.

[5] Đối với yêu cầu chị X trả lại xe mô tô hiệu Wave, hãng Trung Quốc: Tại phiên tòa, anh R thừa nhận anh N gặp trực tiếp anh để đặt vấn đề mua lại chiếc xe đang bị tạm giữ tại Công an huyện M. Anh R là người đi và trực tiếp nhận 1.000.000 đồng từ con của anh N để nộp phạt 910.000 đồng tại kho bạc để nhận lại xe; anh là người chở anh N đi chuộc lại giấy tờ xe mà chị X đã cầm. Như vậy, có căn cứ xác định anh R là người trực tiếp giao xe cho anh N nên không có căn cứ buộc chị X trả lại xe mô tô nêu trên.

[6] Đối với cơ sở sản xuất nước lọc gồm: 01 giàn máy nước lọc, 03 bồn chứa nước, 01 hồ chứa nước; 01 căn nhà tiền chế ngang 4,5m, dài 10m, máy lợp tol, nền xi măng; 01 võ Composite dài 7,9m và 01 máy xe 68T. Chị X xác định các tài sản nêu trên là tài sản riêng của chị nên không đồng ý phân chia; hiện nay không xác định được giá trị nhưng chị X không yêu cầu xem xét thẩm định và định giá. Tại biên bản hòa giải, anh R yêu cầu thẩm định giá các tài sản nêu trên và Tòa án ra thông báo số 360/TB-TA ngày 09-8-2018 về việc dự nộp chi phí thẩm định và định giá nhưng anh R không dự nộp tiền chi phí thẩm định và định giá. Do đó, Tòa án không có căn cứ xác định giá trị tài sản đang tranh chấp để xem xét theo yêu cầu của anh R. Vì vậy, Hội đồng xét xử tách yêu cầu phân chia tài sản của anh R thành vụ kiện khác. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định pháp luật.

[7] Đối với khoản nợ vật liệu xây dựng: Ông T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc chị X thanh toán số tiền 15.600.000 đồng nên Tòa án không đặt ra xem xét trong vụ án.

[8] Về án phí: Chị X tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

[9] Anh R yêu cầu chị X có nghĩa vụ trả lại số tiền 16.000.000 đồng cho mượn không được Tòa án chấp nhận nên anh R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 800.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51 và 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị X và anh Lâm Ngọc R.

- Về tài sản chung:

Tách ra thành vụ kiện khác đối với yêu cầu của anh Lâm Ngọc R về việc phân chia tài sản chung gồm: 01 cơ sở sản xuất nước lọc (01 giàn máy nước lọc, 03 bồn chứa nước và 01 hồ chứa nước) và 01 căn nhà tiền chế ngang 4,5m, dài 10m tọa lạc tại ấp 14, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau; 01 võ Composite dài 7,9m và 01 máy xe 68T.

Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định pháp luật.

- Về tài sản riêng: Không chấp nhận yêu cầu của anh Lâm Ngọc R về việc yêu cầu chị Võ Thị X trả số tiền 16.000.000 đồng và giao lại chiếc xe hiệu Wave, hãng Trung Quốc sản xuất.

- Về án phí: Chị Võ Thị X chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 17 tháng 5 năm 2018, chị X đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0011974 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Anh Lâm Ngọc R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng). Ngày 16 tháng 7 năm 2018, anh R đã dự nộp 2.225.000 đồng tại biên lai số 0012100 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, đối trừ anh R được nhận lại 1.425.000 đồng (Một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Võ Thị X, anh Lâm Ngọc R, anh Phan Trung H và chị Phan Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T và anh Lâm Thanh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- UBND xã K, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Minh Út